TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2019
V/v: *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 853/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Tạm trú: nhà trọ ông Nguyễn Văn R, ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- <u>*Bị đơn*</u>: Anh Trần Văn S, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Tạm trú: nhà trọ ông Nguyễn Văn R, ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị X và anh Trần Văn S yêu thương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đến khoảng năm 2013 thì đến xã H, huyện N để làm ăn, sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do từ giữa năm 2018 anh S không lo làm ăn mà chơi bài bạc, đá gà. Anh S vẫn đưa tiền cho chị lo cho gia đình nhưng không đủ. Từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng cãi nhau và đã ly thân đến nay được 07 tháng. Lúc đầu chị và hai con dọn xuống nhà mẹ ruột cũng ở xã H để ở, thời gian sau thì dọn ra phòng trọ, còn anh S vẫn tiếp tục sống ở nhà trọ cũ. Trong thời gian sống ly thân, anh S có đến tìm gặp năn nỉ chị về đoàn tụ, chị cũng quay về cho anh S cơ hội. Tuy nhiên, anh S cũng không thay đổi mà nhiều lần có những lời nói, thái độ coi thường gia đình chị. Việc chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh S là do nhận thấy không còn tình cảm với anh S, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân, chị không bị ai tác động hay chi phối.

- Về con chung: chị và anh S chung sống có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 26/3/2007 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/11/2013. Hiện nay hai con chung đang sống chung với chị tại nhà trọ. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D và cháu H, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty EZ thuộc khu công nghiệp 1 huyện Nhơn Trạch, thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng và đang ở trọ gần phòng trọ của anh S.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn S theo biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2019 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị X yêu thương, tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở Vũng Tàu, đến năm 2014 thì đến làm việc và sinh sống tại xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đáng kể và chị Xài đã dọn ra phòng trọ khác để ở. Nay chị X xin ly hôn với anh, anh không đồng ý, vì còn thương vợ thương con, mong muốn vợ chồng được hòa giải đoàn tụ.

- Về con chung: Anh S và chị X chung sống có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 26/3/2007 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/11/2013. Tại Tòa, chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh không đồng ý. Anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H, giao cháu D cho chị X nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay

anh S đang làm công việc sửa xe máy, do anh tự mở tiệm ở xã H, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X, xử cho chị X được ly hôn anh Trần Văn S.

Về con chung: đề nghị giao con chung là 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 26/3/2007 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/11/2013 cho chị X nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị X khởi kiện yêu cầu ly hôn anh S, chị X và anh S hiện nay đều cư trú tại tại huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Văn S xây dựng gia đình với nhau do cả hai đều tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (số 60, quyển số 01/2009 ngày 27/10/2009) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên chị X nộp đơn xin ly hôn anh S. Anh S cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng không nghiêm trọng và hiện nay anh và chị X không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết Toà án đã hòa giải nhưng các bên cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng về hòa giải xây dựng hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị X là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: chị X và anh S đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân của chị X và anh S đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X, xử cho chị X được ly hôn anh S.

[3] Về con chung: hiện 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 26/3/2007 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/11/2013, đang do chị X đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S và chị X có tranh chấp về việc nuôi con chung, anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, giao cháu D cho chị X nuôi dưỡng. Tòa án cũng đã tiến hành ghi lời khai cháu H và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, chị X hiện cũng có việc làm và thu nhập ổn định. Hơn nữa các cháu H, D là bé gái đang độ tuổi cần có mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng để giáo dục giới tính cho bé nên Hội đồng xét xử, xử giao con chung cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị X và anh S không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X đối với bị đơn anh Trần Văn S.

Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Trần Văn S.

Về con chung: xử giao 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 26/3/2007 và cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20/11/2013 cho chị Nguyễn Thị X được quyền nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn S vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh S được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của 01 hoặc cả 02 bên, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000075 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự chị X được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày cấp, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Nhơn Trạch (1),
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch (1),
- UBND xã T, huyện X, Bà Rịa – Vũng Tàu (1)
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thanh Phong

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoài Đức Huệ **Trần Thanh Phương** **Trần Thanh Phong**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Nhơn Trạch (1),
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch (1),
- UBND xã Vĩnh Thanh (1)
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Phong